

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH NINH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số *21* /2019/QĐ-UBND

Ninh Thuận, ngày *10* tháng 5 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích chuyên dùng của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc tỉnh Ninh Thuận

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 152/2017/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ Quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp;

Thực hiện Công văn số 46/HĐND-VP ngày 04 tháng 05 năm 2019 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh về việc thống nhất tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích chuyên dùng của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc tỉnh;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 1174/TTr-STC ngày 06 tháng 5 năm 2019 và Báo cáo thẩm định số 218/BC-STP ngày 31 tháng 01 năm 2019 của Sở Tư pháp.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích chuyên dùng tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Ninh Thuận.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Cơ quan Nhà nước, cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội được ngân sách nhà nước đảm bảo kinh phí hoạt động, đơn vị sự nghiệp công lập, ban quản lý dự án sử dụng vốn nhà nước (sau đây gọi là cơ quan, tổ chức, đơn vị).

Điều 3. Ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích chuyên dùng đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Ninh Thuận

1. Định mức sử dụng diện tích chuyên dùng phục vụ nhiệm vụ đặc thù:

TT	Tên cơ quan, tổ chức, đơn vị	Diện tích tối đa (m ²)					
		Tiếp nhận và trả hồ sơ hành chính	Tiếp dân	Quản trị hệ thống CNTT	Hội trường lớn (từ 100 chỗ ngồi trở lên)	Kho chuyên ngành	Phục vụ nhiệm vụ đặc thù khác
1	Cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh	40	40	50	Theo quy mô, biên chế được duyệt; chức năng, nhiệm vụ đặc thù của từng cơ quan, đơn vị và tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam	150	Theo chức năng, nhiệm vụ đặc thù và tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam quy định diện tích cụ thể cho từng cơ quan, đơn vị
2	UBND các huyện, thành phố	120	50	50		150	
3	UBND các xã, phường, thị trấn	60	50	30		100	
4	Đơn vị trực thuộc Sở, ban, ngành cấp tỉnh và trực thuộc UBND các huyện, thành phố	40	40	30		150	

2. Diện tích chuyên dùng nêu trên là mức tối đa làm cơ sở cho lập kế hoạch ước tính tổng mức đầu tư khi lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư (đối với dự án đầu tư mới), lập kế hoạch và dự toán ngân sách (đối với dự án sửa chữa).

Diện tích cụ thể được căn cứ theo nội dung dự án đầu tư (hoặc báo cáo kinh tế kỹ thuật), thiết kế được cấp có thẩm quyền phê duyệt để triển khai thực hiện nhưng không vượt quá diện tích tối đa được quy định nêu trên.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị căn cứ vào tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích chuyên dùng tại Quyết định này và các quy định của pháp luật có liên quan để lập kế hoạch và dự toán ngân sách; giao, đầu tư xây dựng, mua sắm phục vụ công tác đặc thù của ngành và có trách nhiệm thực hiện quản lý, sử dụng theo đúng quy định.

2. Sở Tài chính phối hợp với các cơ quan, tổ chức, đơn vị triển khai thực hiện Quyết định này. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, tổ chức, đơn vị phản ánh kịp thời về Sở Tài chính để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

Điều 5. Xử lý chuyển tiếp

Đối với dự án đầu tư xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định trước ngày Nghị định số 152/2017/NĐ-CP ngày 27/12/2017 của Chính phủ có hiệu lực thì không xác định lại diện tích theo tiêu chuẩn, định mức tại Quyết định này.

Điều 6. Điều khoản thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20 tháng 5 năm 2019.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở; Thủ trưởng các Ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 6;
- Bộ Tài chính (Cục Quản lý công sản);
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra VBQPPL (Bộ Tư pháp);
- TT. Tỉnh ủy; TT HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐB Quốc hội tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- TT HĐND các huyện, thành phố;
- Trung tâm Tin học-công báo tỉnh;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- VPUB: LĐ, chuyên viên;
- Lưu: VT, KTTH.VAL

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Lưu Xuân Vĩnh